

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ III NĂM 2014

ĐƠN VỊ: CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

BAO GỒM: * *BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN*
* *BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH*
* *BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*
* *THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*

Nam Cẩm, ngày 16 tháng 10 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C KCN Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Quý III năm 2014

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý III/2014	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		43,776,223,689	39,767,982,000
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	11,259,619,911	7,843,834,559
1. Tiền	111		11,259,619,911	7,843,834,559
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	6,500,000,000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	-	6,500,000,000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		22,119,649,862	14,926,469,625
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	20,306,388,950	10,819,026,645
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	1,684,212,457	4,165,055,000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.5	171,136,455	153,664,578
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.6	(42,088,000)	(211,276,598)
IV. Hàng tồn kho	140		7,625,506,381	9,473,352,258
1. Hàng tồn kho	141	V.7	7,625,506,381	9,473,352,258
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2,771,447,535	1,024,325,558
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	739,867,218	222,843,949
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1,833,568,112	642,258,893
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.9	49,025,145	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.10	148,987,060	159,222,716

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C KCN Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2014

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý III/2014	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		40,375,036,844	30,066,683,302
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		40,028,060,888	29,418,352,155
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	37,222,041,722	25,431,638,056
<i>Nguyên giá</i>	222		57,270,586,564	42,859,121,972
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(20,048,544,842)	(17,427,483,916)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	730,948,803	776,272,182
<i>Nguyên giá</i>	228		1,134,381,101	1,134,381,101
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(403,432,298)	(358,108,919)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.13	2,075,070,363	3,210,441,917
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		346,975,956	648,331,147
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	346,975,956	648,331,147
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		84,151,260,533	69,834,665,302

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C KCN Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2014

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý III/2014	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		39,929,401,942	24,601,338,579
I. Nợ ngắn hạn	310		32,704,441,942	23,195,206,079
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	10,233,961,650	6,411,719,875
2. Phải trả người bán	312	V.16	17,907,081,499	12,359,998,773
3. Người mua trả tiền trước	313	V.17	2,412,932	502,253,942
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.18	267,538,623	130,086,809
5. Phải trả người lao động	315		2,782,628,465	2,848,493,303
6. Chi phí phải trả	316	V.19	847,804,326	617,696,381
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.20	248,960,737	241,310,274
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.21	414,053,710	83,646,722
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		7,224,960,000	1,406,132,500
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.22	7,224,960,000	1,406,132,500
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		44,221,858,591	45,233,326,723
I. Vốn chủ sở hữu	410		44,221,858,591	45,233,326,723
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.23	28,500,000,000	28,500,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413	V.24	4,930,745,860	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.25	815,103,760	5,422,990,218
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.26	2,030,670,115	1,542,266,621
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.27	7,945,338,856	9,768,069,884
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		84,151,260,533	69,834,665,302

0.2
 C
 KH
 KH

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C KCN Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2014

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối quý III/2014	
		Số đầu năm	Số cuối năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	V.28	1,554,208,186	1,554,208,186
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		114,726.62	34,374.28
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Người lập biểu

Lưu Thị Thu

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Chương



Giám đốc

Hoàng Trọng Diên

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C KCN Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III

Kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Quý III năm 2014

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý III			Đơn vị tính: VND		
			Năm nay		Năm trước	Năm nay		Năm trước
			Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	45,665,909,378	26,560,224,805	100,020,014,756	84,662,510,079		
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		795,934,003	658,158,548	2,594,795,001	2,193,298,653		
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		44,869,975,375	25,902,066,257	97,425,219,755	82,469,211,426		
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	24,032,818,301	13,690,939,145	51,035,127,019	43,873,613,950		
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		20,837,157,074	12,211,127,112	46,390,092,736	38,595,597,476		
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	31,279,191	86,220,210	420,465,383	149,389,471		
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	126,884,066	70,304,249	450,827,411	170,584,073		
Trong đó: chi phí lãi vay	23		64,821,334	16,803,351	233,130,450	105,366,659		
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	15,045,074,943	8,410,263,050	34,384,228,532	26,412,760,353		
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	1,201,283,112	1,259,154,394	3,609,129,744	4,003,090,862		
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4,495,194,144	2,557,625,629	8,366,372,432	8,158,551,659		
11. Thu nhập khác	31	VI.7	0	38,550	6,960,466	3,396,785		
12. Chi phí khác	32	VI.8	0	73,210	6,511,000	12,585,225		
13. Lợi nhuận khác	40		-	(34,660)	449,466	(9,188,440)		
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		4,495,194,144	2,557,590,969	8,366,821,898	8,149,363,219		
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.16	225,910,057	133,025,791	421,483,042	447,227,628		

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C KCN Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III

Kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Quý III năm 2014

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	
		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
		Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	96,366,446,166	84,254,300,817
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(70,976,051,681)	(60,523,579,479)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(10,800,753,670)	(9,001,794,423)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(433,343,634)	(111,202,890)
5. Tiền chi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp	05	(305,695,989)	(328,513,303)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	1,261,063,605	571,174,100
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(6,607,778,076)	(6,117,155,824)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động SX - KD	20	8,503,886,721	8,743,228,998
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21	(7,965,338,300)	(1,139,817,400)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TS dài hạn khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(13,610,683,626)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	20,233,397,775	-
5. Tiền chi cho đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	201,507,906	20,366,835
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1,141,116,245)	(1,119,450,565)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại CP của DN đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	16,537,502,350	1,520,588,543
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(12,756,959,460)	(6,237,544,936)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(7,727,706,000)	(4,143,615,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	30	(3,947,163,110)	(8,860,571,393)

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C KCN Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

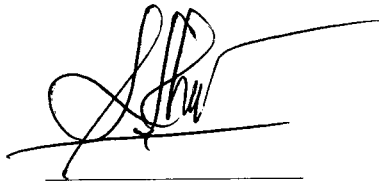
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III

Kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2014

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		3,415,607,366	(1,236,792,960)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	7,843,834,559	2,921,306,363
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		177,986	
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	<u>11,259,619,911</u>	<u>1,684,513,403</u>

Người lập biểu



Lưu Thị Thu

Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Chương



Hoàng Trọng Diên

Ngày 16 tháng 10 năm 2014

Giám đốc

11/10/14

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C KCN Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2014

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2014

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất
3. **Ngành nghề kinh doanh** :
 - Khảo sát, thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản (đá, cát, sỏi, quặng kim loại);
 - Sản xuất, mua bán sản phẩm bột đá trắng siêu mịn.
4. **Nhân viên**
Tại ngày 30 tháng 09 năm 2014 Công ty có 95 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 97 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.
3. **Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Cơ sở lập Báo cáo tài chính**
Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C KCN Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Trị giá hàng tồn kho cuối kỳ được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C KCN Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 30
Máy móc và thiết bị	3 – 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	4 – 6
Tài sản cố định khác	6

6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền khai thác mỏ

Quyền khai thác mỏ là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính để có quyền khai thác mỏ đá. Quyền khai thác mỏ được khấu hao trong 20 năm.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được khấu hao trong 4 năm.

Chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng (ISO)

Chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra để được cấp giấy chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng. Chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng được khấu hao từ 4 đến 6 năm.

Chi phí thiết kế trang web

Chi phí thiết kế trang web bao gồm tất cả các chi phí liên quan trực tiếp đến việc thiết lập trang web. Chi phí này được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 4 năm.

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

9. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C KCN Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ.

17. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm các nhóm: các khoản phải thu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dùng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

18. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

19. Bù trừ công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

20. Báo cáo theo bộ phận

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C KCN Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mỗi quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối	Số đầu năm
	Quý III/2014	
Tiền mặt	3.362.206.653	158.641.784
Tiền gửi ngân hàng	7.897.413.258	7.685.192.775
Các khoản tương đương tiền	-	-
Cộng	11.259.619.911	7.843.834.559

2. Phải thu khách hàng

	Số cuối	Số đầu năm
	Quý III/2014	
Công ty 4 Oranges Co.Ltd	7.873.253.337	4.023.523.381
Khách hàng nước ngoài	3.369.615.600	2.360.053.126
Công ty Cổ phần Thương mại Hoá chất Minh Khang	1.202.215.250	700.907.894
Công ty TNHH Thuận Lợi	1.177.674.125	-
Công ty TNHH Xuân Lộc Thọ	1.088.384.000	493.143.000
Công ty TNHH Nhựa Á Đông	684.300.000	-
Công ty TNHH Hóa chất DSH	607.400.000	-
Công ty Cổ phần Vật tư phụ gia hóa chất	601.623.506	628.020.005
Công ty Cổ phần L.Q JoTon	477.100.221	136.577.485

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C KCN Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối	Số đầu năm
	Quý III/2014	
Nhà máy Sản xuất Bao bì, bột nhựa Tú Phương	361.113.000	338.666.700
Công ty TNHH TM Quốc tế Tiến Phát	310.113.303	200.475.006
Công ty Cổ phần Thương mại Tiến Hưng	298.599.450	449.900.050
Công ty Cổ phần Hăng sơn Đông Á	197.993.641	231.308.169
Các đối tượng khác	2.057.003.517	1.256.451.828
Cộng	20.306.388.950	10.819.026.644
3. Trả trước cho người bán		
	Số cuối	Số đầu năm
	Quý III/2014	
Công ty Cổ phần Tư vấn Tài nguyên & Môi trường Việt Nam	1.660.000.000	1.660.000.000
Hosokawa Alpine Aktiengesellschaft	-	2.466.555.000
Các đối tượng khác	21.209.156	38.500.000
Cộng	1.681.209.156	4.165.055.000
4. Các khoản phải thu khác		
	Số cuối	Số đầu năm
	Quý III/2014	
Đội khai thác mỏ đá Châu Quang	35.963.981	3.153.981
Phải thu tiền bảo hiểm	82.926.309	62.850.705
Phải thu khác	52.246.165	87.659.892
Cộng	171.136.455	153.664.578
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		
	Số cuối	Số đầu năm
	Quý III/2014	
Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán	42.088.000	211.276.598
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn dưới 1 năm	-	179.188.598
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	10.000.000	-
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	32.088.000	32.088.000
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên	-	-
Dự phòng nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	-	-
Cộng	42.088.000	211.276.598
6. Hàng tồn kho		
	Số cuối	Số đầu năm
	Quý III/2014	
Nguyên liệu, vật liệu	4.126.138.176	4.748.185.321
Công cụ, dụng cụ	111.601.115	409.535.775

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C KCN Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối	Số đầu năm
	Quý III/2014	Số đầu năm
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.462.915.539	1.655.417.095
Thành phẩm	1.854.054.296	2.644.923.700
Hàng hóa	70.797.255	15.290.367
Cộng	7.625.506.381	9.473.352.258
7. Chi phí trả trước ngắn hạn		
	Số cuối	Số đầu năm
	Quý III/2014	Số đầu năm
Chi phí bảo hiểm	4.608.272	2.086.492
Công cụ dụng cụ	179.396.990	89.415.516
Chi phí sửa chữa	16.614.194	21.983.500
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	539.247.763	109.358.441
Cộng	739.867.218	222.843.949
8. Tài sản ngắn hạn khác		
	Số cuối	Số đầu năm
	Quý III/2014	Số đầu năm
Tạm ứng	108.987.060	159.222.716
Đặt cọc thuê container (CN Công ty CP Cơ khí Tân Thanh Hải Phòng)	40.000.000	-
Cộng	148.987.060	159.222.716

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C KCN Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình	Nhà cửa, vật kiến trúc			Máy móc và thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Tài sản cố định khác		Cộng
Nguyên giá	12.879.514.813	28.116.363.374	1.821.092.305	42.151.480	42.859.121.972					
Số đầu năm	2.912.306.192	10.081.350.653	1.417.807.747	-	14.411.464.592					
Tăng do đầu tư XD/CB hoàn thành	15.791.821.005	38.197.714.027	3.238.900.052	42.151.480	57.270.586.564					
<i>Trong đó:</i>										
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	109.609.581	372.623.742	667.558.250	-	1.149.791.573					
Giá trị hao mòn	3.856.228.515	12.302.412.033	1.237.229.752	31.613.616	17.427.483.916					
Số đầu năm	677.198.071	1.821.000.699	114.958.752	7.903.404	2.621.060.926					
Tăng do khấu hao trong kỳ	4.533.426.586	14.123.412.732	1.352.188.504	39.517.020	20.048.544.842					
Giá trị còn lại	9.023.286.298	15.813.951.341	583.862.553	10.537.864	25.431.638.056					
Số đầu năm	11.258.394.419	24.074.301.295	1.886.711.548	2.634.461	37.222.041.722					
Số cuối kỳ										
<i>Trong đó:</i>										
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-					
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-					

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C KCN Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Chứng nhận hệ thống QLCL (ISO)	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	1.102.562.919	31.818.182	1.134.381.101
Tăng trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	1.102.562.919	31.818.182	1.134.381.101
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	-
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	330.768.864	27.340.055	358.108.919
Tăng do khấu hao trong kỳ	41.346.108	3.977.271	45.323.379
Số cuối kỳ	372.114.972	31.317.326	403.432.298
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	771.794.055	4.478.127	776.272.182
Số cuối kỳ	730.447.947	500.856	730.948.803
<i>Trong đó:</i>			
* Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Số cuối kỳ
Kho chứa vật liệu	112.045.818	-	-	112.045.818
Đường nội bộ mỏ đá Châu Hồng	1.963.024.545	-	-	1.963.024.545
Dự án Xây dựng dây chuyền tráng phủ	150.586.554	11.890.694.439	12.041.285.993	-
Mua sắm mới xe ô tô Camry 2.5Q	-	1.306.944.614	1.306.944.614	-
Gara để xe, nhà vệ sinh	-	78.448.985	78.448.985	-
Đường nội bộ mỏ đá Châu Quang	984.785.000	-	984.785.000	-
Cộng	3.210.441.917	13.276.093.038	14.411.464.592	2.075.070.363

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C KCN Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

12. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Phân bổ vào chi phí trong kỳ	Số cuối kỳ
Chi phí công cụ, dụng cụ	500.329.600	126.433.342	(349.027.159)	277.735.783
Chi phí sửa chữa TSCĐ	109.402.241	-	(82.270.703)	27.131.538
Chi phí trả trước dài hạn khác	38.599.306	26.500.000	(22.990.671)	42.108.635
Cộng	648.331.147	152.933.342	(454.288.533)	346.975.956

13. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng ⁽ⁱ⁾	9.967.711.650	5.358.594.875
Vay dài hạn đến hạn trả (<i>Xem thuyết minh số V.21</i>)	266.250.000	1.053.125.000
Cộng	10.233.961.650	6.411.719.875

(i) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương - Chi nhánh Trung Đô và Ngân hàng TMCP Quân Đội – CN Nghệ An để thanh toán cho các đối tác phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay

	Vay ngắn hạn ngân hàng	Nợ dài hạn đến hạn trả	Cộng
Số đầu năm	5.358.594.875	1.053.125.000	6.411.719.875
Số tiền vay phát sinh	16.555.776.902	1.850.500	16.557.627.402
Số tiền vay đã trả	(11.985.077.427)	(794.663.000)	(12.779.740.427)
Chênh lệch TG hối đoái cuối kỳ	38.417.300	5.937.500	44.354.800
Cộng	9.967.711.650	266.250.000	10.233.961.650

14. Phải trả người bán

	Số cuối Quý III/2014	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Nhật Việt	6.561.365.000	3.857.418.000
Công ty Cổ phần Bao bì Nghệ An	2.350.516.891	774.542.926
Công ty Cổ phần Khoáng sản Đông Á	1.771.570.000	-
Công ty TNHH Dịch vụ Tiếp Vận Toàn Cầu	1.077.200.000	72.600.000
Công ty TNHH Trang Anh	844.607.823	903.698.175
DNTN Hải Hà	319.306.700	2.072.387.300
Công ty Cổ phần Nhựa Bao bì Vinh	266.147.530	125.950.011
Công ty TNHH Chế biến Lâm sản Trung Liên	20.422.710	1.408.014.243
Công ty TNHH Trường An	68.718.903	1.287.905.639
Công ty TNHH Hoàng Danh	39.255.141	162.614.100
Công ty Cổ phần Phát triển Khoáng sản 4	-	104.649.545
Các đối tượng khác	4.587.970.801	1.538.789.659
Cộng	17.907.081.499	12.359.998.773

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C KCN Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**15. Người mua trả tiền trước**

	Số cuối Quý III/2014	Số đầu năm
Khách hàng nước ngoài	-	499.841.010
Các đối tượng khác	2.412.932	2.412.932
Cộng	2.412.932	502.253.942

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	819.788.120	(819.788.120)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	12.830.004	2.594.795.001	(2.607.625.005)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	109.090.595	421.483.042	(305.695.989)	224.877.648
Thuế thu nhập cá nhân	1.205.748	334.991.823	(318.375.531)	17.822.040
Thuế tài nguyên	-	53.964.855	37.246.230	16.718.625
Thuế môn bài	-	3.000.000	(3.000.000)	-
Các loại thuế khác	-	27.630.240	19.509.930	8.120.310
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	6.960.462	-	(6.960.462)	-
Cộng	130.086.809	4.255.653.081	(4.118.201.267)	267.538.623

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất như sau:

Bột đá bán trong nước: 10%

Bột đá xuất khẩu: 0%

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	8.366.821.898	8.149.363.219
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	92.508.719	795.189.341
- Các khoản điều chỉnh tăng	92.508.719	795.189.341
Chi phí không hợp lệ	18.156.304	725.749.209
Thù lao HĐQT không trực tiếp điều hành	74.352.415	69.440.132
- Các khoản điều chỉnh giảm	(20.393.786)	-
(Lãi Chênh lệch tỷ giá đánh giá lại các khoản phải thu, tiền)		
Thu nhập chịu thuế	8.438.936.831	8.944.552.560

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C KCN Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước
Trong đó:		
<i>Thu nhập từ hoạt động SXKD chính</i>	8.438.936.831	8.944.552.560
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp		
<i>Với thu nhập từ hoạt động SXKD chính</i>	10%	10%
Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp	843.893.683	894.455.256
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm 50%	(422.410.641)	(447.227.628)
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	421.483.042	447.227.628
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	421.483.042	447.227.628

Thuế tài nguyên

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác đá học trắng.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

17. Chi phí phải trả

	Số cuối	Số đầu năm
	Quý III/2014	
Chi phí lãi vay phải trả	79.225.201	23.458.421
Chi phí vận chuyển phục vụ bán hàng	723.274.237	493.886.363
Chi phí phải trả khác	45.304.888	100.351.597
Cộng	847.804.326	617.696.381

18. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối	Số đầu năm
	Quý III/2014	
Kinh phí công đoàn	9.330.640	4.702.120
Tổng Công ty Hợp tác kinh tế	216.439.125	230.107.590
Các khoản phải trả khác	23.190.972	6.500.564
Cộng	248.960.737	241.310.274

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Chi tiết phát sinh quỹ Khen thưởng trong kỳ như sau:

	Kỳ này
Số đầu năm	83.646.722
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	976.806.988
Chi quỹ	(646.400.000)
Số cuối kỳ	414.053.710

20. Vay và nợ dài hạn

Là khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Trung Đô để đầu tư dây chuyền chế biến bột đá trắng siêu mịn trắng phủ với lãi suất áp dụng theo thông báo lãi suất ưu đãi của VCB Trung Đô đối với Công ty Cổ phần Khoáng sản Á Châu và được điều

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C KCN Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

chính 3 tháng/lần, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Số tiền vay được hoàn trả hàng quý. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay.

	<u>Kỳ này</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	1.406.132.500	235.913.239
Số tiền vay phát sinh	5.755.295.000	2.466.555.000
Số tiền vay đã trả	-	(235.913.239)
Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại khoản vay có gốc ngoại tệ tại 30/06/2014	63.532.500	(7.297.500)
Kết chuyển sang nợ dài hạn đến hạn trả	-	(1.053.125.000)
Số cuối kỳ	<u>7.224.960.000</u>	<u>1.406.132.500</u>

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	266.250.000	1.053.125.000
Trên 1 năm đến 5 năm	7.224.960.000	1.406.132.500
Trên 5 năm	-	-
Tổng nợ	<u>7.491.210.000</u>	<u>2.459.257.500</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C KCN Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

21. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	28.500.000.000	-	2.012.912.342	1.107.344.274	8.698.446.945	40.318.703.561
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	9.768.069.884	9.768.069.884
Trích lập các quỹ trong năm trước	-	-	3.410.077.876	434.922.347	(4.423.446.945)	(578.446.722)
Chia cổ tức năm trước	-	-	-	-	(4.275.000.000)	(4.275.000.000)
Số dư cuối năm trước	28.500.000.000	-	5.422.990.218	1.542.266.621	9.768.069.884	45.233.326.723
Số dư đầu năm nay	28.500.000.000	-	5.422.990.218	1.542.266.621	9.768.069.884	45.233.326.723
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	7.945.338.856	7.945.338.856
Trích lập các quỹ trong kỳ	-	-	322.859.402	488.403.494	(1.788.069.884)	(976.806.988)
Đầu tư mới	-	4.930.745.860	(4.930.745.860)	-	-	-
Chia cổ tức kỳ này	-	-	-	-	(7.980.000.000)	(7.980.000.000)
Số dư cuối kỳ	28.500.000.000	4.930.745.860	815.103.760	2.030.670.115	7.945.338.856	44.221.858.591

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vốn đầu tư của Nhà nước	11.400.000.000	11.400.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	17.100.000.000	17.100.000.000
Cộng	28.500.000.000	28.500.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C KCN Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Năm trước</u>
Trả cổ tức năm trước	7.980.000.000	4.284.675.000
Tạm ứng cổ tức	-	-
Cộng	<u>7.980.000.000</u>	<u>4.284.675.000</u>

Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.850.000	2.850.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	2.850.000	2.850.000
- Cổ phiếu phổ thông	2.850.000	2.850.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.850.000	2.850.000
- Cổ phiếu phổ thông	2.850.000	2.850.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

22. Nợ khó đòi đã xử lý

	<u>Kỳ này</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	1.554.208.186	-
Nợ khó đòi đã xử lý	-	1.554.208.186
Nợ khó đòi đã được thu hồi được	-	-
Số cuối kỳ	<u>1.554.208.186</u>	<u>1.554.208.186</u>

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Quý III/2014</u>	<u>Quý III/2013</u>
Tổng doanh thu	45.665.909.378	26.560.224.805
- Doanh thu bán hàng hóa	9.550.191.613	224.002.346
- Doanh thu bán thành phẩm	36.115.717.765	26.336.222.459
- Doanh thu nội bộ	-	658.158.548
Các khoản giảm trừ doanh thu:	795.934.003	-
- Thuế xuất khẩu	795.934.003	658.158.548
Doanh thu thuần	<u>44.869.975.375</u>	<u>25.902.066.257</u>
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu thuần bán hàng hóa	9.550.191.613	224.002.346
Doanh thu thuần bán thành phẩm	35.319.783.762	25.678.063.911
Doanh thu thuần nội bộ	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C KCN Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Quý III/2014</u>	<u>Quý III/2013</u>
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	6.727.135.171	117.707.003
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	17.305.683.130	13.573.232.142
Cộng	<u>24.032.818.301</u>	<u>13.690.939.145</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Quý III/2014</u>	<u>Quý III/2013</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	363.852	-
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	3.171.094	5.304.035
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	27.744.245	80.916.175
Cộng	<u>31.279.191</u>	<u>86.220.210</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Quý III/2014</u>	<u>Quý III/2013</u>
Chi phí lãi vay	64.821.334	16.803.351
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	61.930.296	6.925.238
Chi phí tài chính khác	132.436	46.575.660
Cộng	<u>126.884.066</u>	<u>70.304.249</u>

5. Chi phí bán hàng

	<u>Quý III/2014</u>	<u>Quý III/2013</u>
Chi phí nhân viên	26.326.000	13.678.000
Chi phí vật liệu, bao bì	251.608.674	43.569.903
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	351.740.972	4.502.200
Chi phí khấu hao TSCĐ	11.290.377	11.290.377
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.317.251.284	8.235.892.978
Chi phí bằng tiền khác	86.857.636	101.329.592
Cộng	<u>15.045.074.943</u>	<u>8.410.263.050</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Quý III/2014</u>	<u>Quý III/2013</u>
Chi phí nhân viên quản lý	874.804.349	828.558.449
Chi phí vật liệu quản lý	64.996.854	96.746.503
Chi phí đồ dùng văn phòng	22.844.003	15.501.359
Chi phí khấu hao TSCĐ	27.294.121	40.295.763
Thuế, phí và lệ phí	5.383.182	5.559.600
Chi phí dịch vụ mua ngoài	116.500.247	118.349.988
Chi phí bằng tiền khác	89.460.356	154.142.732
Cộng	<u>1.201.283.112</u>	<u>1.259.154.394</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C KCN Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Thu nhập khác

	<u>Quý III/2014</u>	<u>Quý III/2013</u>
Xử lý các khoản công nợ không phải trả	-	-
Xử lý công nợ nhỏ lẻ	-	38.550
Cộng	-	3.358.235

8. Chi phí khác

	<u>Quý III/2014</u>	<u>Quý III/2013</u>
Xử lý công nợ nhỏ lẻ	-	73.210
Chi phí khác	-	-
Cộng	-	73.210

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Quý III/2014</u>	<u>Quý III/2013</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	4.269.284.087	2.424.565.178
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	4.269.284.087	2.424.565.178
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	2.850.000	2.850.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.498	851

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	2.850.000	2.850.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	2.850.000	2.850.000

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C KCN Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Quý III/2014</u>	<u>Quý III/2013</u>
Tiền lương, thưởng	107.508.522	129.319.561
Phụ cấp	80.428.399	79.896.088
Cộng	187.936.920	209.215.649

Giao dịch với các bên liên quan khác

Bên liên quan khác với Công ty là:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Hợp tác Kinh tế	Công ty liên kết

Tại ngày 30/09/2014, công nợ phải trả Tổng Công ty Hợp tác kinh tế là:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các khoản phải trả, phải nộp khác	216.439.125	230.107.590
Cộng nợ phải trả	216.439.125	230.107.590

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý.

Khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở khu vực trong nước và nước ngoài.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng của Công ty như sau:

	<u>Trong nước</u>	<u>Xuất khẩu</u>	<u>Cộng</u>
Kỳ này (Quý III/2014)			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	30.424.751.342	14.445.224.033	44.869.975.375
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	30.424.751.342	14.445.224.033	44.869.975.375
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	3.383.842.650	2.758.462.388	6.142.305.038
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(1.201.283.112)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			4.590.799.019
Doanh thu hoạt động tài chính			31.279.191
Chi phí tài chính			(126.884.066)
Thu nhập khác			-
Chi phí khác			-

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C KCN Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Trong nước	Xuất khẩu	Cộng
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(225.910.057)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			4.269.284.087
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	-	-	(4.511.295.131)
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	-	-	(1.081.694.945)
Kỳ này (Quý III/2013)			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	19.930.775.684	5.971.290.573	25.902.066.257
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	19.930.775.684	5.971.290.573	25.902.066.257
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	2.316.782.381	1.484.081.681	3.800.864.062
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(1.259.154.394)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			2.541.709.668
Doanh thu hoạt động tài chính			86.220.210
Chi phí tài chính			(70.304.249)
Thu nhập khác			38.550
Chi phí khác			(73.210)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(133.025.791)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			2.424.565.178
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	-	-	(625.897.773)
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	-	-	(1.363.549.045)
Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng của Công ty như sau:			
	Trong nước	Xuất khẩu	Cộng
Số cuối kỳ			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	16.894.685.349	3.369.615.600	20.264.300.949
Tài sản phân bổ cho bộ phận	32.312.207.052	15.341.360.217	47.653.567.269

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C KCN Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Trong nước</u>	<u>Xuất khẩu</u>	<u>Cộng</u>
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			16.233.392.315
Tổng tài sản			84.151.260.533
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	2.412.932	-	2.412.932
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	14.028.964.262	6.660.745.702	20.689.709.964
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			19.237.279.046
Tổng nợ phải trả			39.929.401.942
Số đầu năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	8.247.696.920	2.360.053.126	10.607.750.046
Tài sản phân bổ cho bộ phận	27.522.521.106	11.369.183.307	38.891.704.413
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			20.335.210.843
Tổng tài sản			69.834.665.302
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	2.205.000	500.048.942	502.253.942
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	16.295.070.137	6.731.274.314	23.026.344.451
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			1.072.740.186
Tổng nợ phải trả			24.601.338.579

Lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động của Công ty chỉ nằm trong một lĩnh vực kinh doanh là sản xuất, mua bán sản phẩm bột đá trắng siêu mịn.

3. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Giám đốc phê duyệt.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng hoặc có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C KCN Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng có uy tín do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.4 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối kỳ			
Tiền và các khoản tương đương tiền	11.259.619.911	-	11.259.619.911
Phải thu khách hàng	20.240.548.950	65.840.000	20.306.388.950
Các khoản phải thu khác	171.136.455	-	171.136.455
Cộng	31.671.305.316	65.840.000	31.737.145.316
Số đầu năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.843.834.559	-	7.843.834.559
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	6.500.000.000	-	6.500.000.000
Phải thu khách hàng	10.175.891.319	643.135.325	10.819.026.644
Các khoản phải thu khác	90.813.873	-	90.813.873
Cộng	24.610.539.751	643.135.325	25.253.675.076

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (bao gồm cả lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C KCN Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối kỳ				
Vay và nợ	10.233.961.650	7.224.960.000	-	17.458.921.650
Phải trả người bán	17.907.081.499	-	-	17.907.081.499
Các khoản phải trả khác	1.096.765.063	-	-	1.096.765.063
Cộng	29.237.808.212	7.224.960.000	-	36.462.768.212
Số đầu năm				
Vay và nợ	6.411.719.875	1.406.132.500	-	7.817.852.375
Phải trả người bán	12.359.998.773	-	-	12.359.998.773
Các khoản phải trả khác	854.304.535	-	-	854.304.535
Cộng	19.626.023.183	1.406.132.500	-	21.032.155.683

Ban Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 09 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá chứng khoán, giá hàng hóa/nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty nhập khẩu nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất và xuất khẩu sản phẩm với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Công ty như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
--	------------	------------

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C KCN Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	114.726,62	34.374,65
Phải thu khách hàng	158.600,00	112.050,00
Vay và nợ	(821.134,00)	(371.174,00)
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ	(547.807,38)	(224.749,35)

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền gửi có kỳ hạn và các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Rủi ro về giá nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Tài sản đảm bảo

Công ty có thể chấp tài sản tại Ngân hàng TMCP Quân Đội – CN Nghệ An để vay vốn tính đến 30 tháng 09 năm 2014.

4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ		Số đầu năm		Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	11.259.619.911	-	7.843.834.559	-	11.259.619.911	7.843.834.559
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	6.500.000.000	-	-	6.500.000.000
Phải thu khách hàng	20.306.388.950	(42.088.000)	10.819.026.644	(211.276.598)	20.264.300.949	10.607.750.046
Các khoản phải thu khác	171.136.455	-	90.813.873	-	171.136.455	90.813.873
Cộng	31.737.145.316	(42.088.000)	25.253.675.076	(211.276.598)	31.695.057.315	25.042.398.478

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Vay và nợ	17.458.921.650	7.817.852.375	17.458.921.650
Phải trả người bán	17.907.081.499	12.359.998.773	17.907.081.499	12.359.998.773
Các khoản phải trả khác	1.096.765.063	854.304.535	1.096.765.063	854.304.535
Cộng	36.462.768.212	21.032.155.683	36.462.768.212	21.032.155.683

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty ước tính giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C KCN Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phân ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.

Người lập biểu



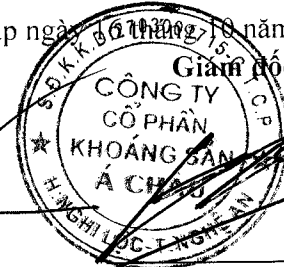
Lưu Thị Thu

Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Chương

Lập ngày 01/10/2014 năm 2014



Hoàng Trọng Diên